

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 4 - HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **107A/2025/KDTM-ST**

Ngày: 07/10/2025

V/v Tranh chấp Hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - HÀ NỘI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Mai Thị Hương;

Các Hội thẩm nhân dân: ông Trần Quốc Khánh; ông Đỗ Đức Tiến

Thư ký phiên tòa: ông Nguyễn Đình Phan Hưng – Cán bộ TAND khu vực 4 – Hà Nội.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – Hà Nội tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Huyền - KSV

Trong ngày 07 tháng 10 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 - Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án Kinh doanh thương mại thụ lý số: 11/2025/TLST-KDTM ngày 01 tháng 8 năm 2025 về việc “Tranh chấp Hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 212/2025/QĐXX-ST, ngày 05 tháng 9 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số: 2812025/QĐHPT-ST, ngày 20 tháng 9 năm 2025 giữa:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP V

Trụ sở: H L, phường Đ, thành phố Hà Nội

Đại diện theo pháp luật: ông Ngô Chí D - Chức vụ: Chủ tịch HĐQT

Đại diện theo ủy quyền: ông Phạm Tuấn A (theo văn bản ủy quyền số 16 ngày 24/4/2025) ủy quyền lại cho ông Ma Quang M, ông Đoàn Văn H (Theo văn bản ủy quyền số 1781/2024/UQ-LCC-KHDN MB1 ngày 22/8/2024).

Có mặt tại phiên tòa.

2. Bị đơn: Công ty TNHH Đ

Trụ sở: Tầng E, số nhà A đường T, phường Y, thành phố Hà Nội

Đại diện theo pháp luật: bà Nguyễn Thị N – Chức vụ: Giám đốc.

Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn V1 trình bày:

Công ty Đ do Bà Nguyễn Thị N (Là người đại diện theo pháp luật ký kết với V1) vay vốn tại V1 (tính trên các hợp đồng, các khế ước nhận nợ còn dư nợ) với tổng số tiền là: **846.000.000 đồng (T trăm bốn mươi sáu triệu đồng)**. Như sau:

STT	HDTD	Thời hạn	Số tiền vay	Lãi suất	Kỳ trả nợ
-----	------	----------	-------------	----------	-----------

01	Hợp đồng cho vay số: 220921- 6213532-01-SME ngày 23/09/2021	84 tháng từ ngày 24/09/2021	846.000.000 đồng	6.8%/năm điều chỉnh định kỳ 01 tháng/lần; biên độ điều chỉnh là (+4.2%/năm)	Trả nợ gốc và trả lãi định kỳ 01 tháng / lần vào ngày 10 hàng tháng
Tổng cộng			846.000.000 đồng		

Tài sản bảo đảm/biện pháp bảo đảm cho khoản vay nêu trên là:

Tài sản bảo đảm: 01 chiếc xe ô tô nhãn hiệu: **HONDA**, số loại: **CRV**; **BKS: 30H-172.58** đứng tên Công ty TNHH Đ. Xác lập thế chấp tại V1 theo Hợp đồng thế chấp số: 220921-6213532-01-SME ngày 23/09/2021.

Quá trình thực hiện Hợp đồng Công ty SHV vi phạm nghĩa vụ trả nợ và chuyển nợ quá hạn. Tạm tính đến ngày 06/02/2025, Công ty Đ còn nợ V1 số tiền: Nợ gốc: 658.727.743 đồng.

Nợ lãi: 215.413.939 đồng.

Tổng cộng: 874.141.682 đồng (Bằng chữ: Tám trăm bảy mươi tư triệu một trăm bốn mươi một nghìn sáu trăm tám mươi hai đồng).

1. Đề nghị:

Yêu cầu Tòa án buộc Công ty Đ phải thanh toán cho V1 toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi, tiền phạt chậm trả lãi và các khoản phát sinh liên quan theo các Hợp đồng cho vay nêu trên; Tạm tính đến ngày 07/10/2025 tổng là: 1.002.841.141 đồng trong đó bao gồm: 658.727.743 đồng tiền nợ gốc; 10.831.233 đồng nợ lãi trong hạn, 292.826.139 đồng lãi quá hạn; 40.456.026 đồng phạt chậm trả lãi.

Tổng cộng: 874.141.682 đồng (Bằng chữ: Tám trăm bảy mươi tư triệu một trăm bốn mươi một nghìn sáu trăm tám mươi hai đồng).

Yêu cầu Tòa án tiếp tục cho tính lãi theo đúng thỏa thuận trong Hợp đồng cho vay, Khế ước nhận nợ, các văn bản tín dụng kèm theo cho đến ngày Công ty Đ thực tế thanh toán hết nợ cho V1.

a) Yêu cầu Tòa án tuyên trong bản án nội dung: V1 có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án kê biên, phát mại tài sản đảm bảo để thu hồi nợ cho V1 nếu bị đơn không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ cho hàng V1, cụ thể như sau:

Tài sản bảo đảm: 01 chiếc xe ô tô nhãn hiệu: **HONDA**, số loại: **CRV**; **BKS: 30H-172.58** đứng tên Công ty TNHH Đ. Xác lập thế chấp tại V1 theo Hợp đồng thế chấp số: 220921-6213532-01-SME ngày 23/09/2021.

b) Yêu cầu Tòa án tuyên trong bản án nội dung: V1 có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án xác minh, kê biên, phát mại tài sản của Công ty Đ để thu hồi nợ cho V1, nếu các tài sản bảo đảm không đủ để thu nợ cho V1.

Bị đơn – Công ty Đ đã được thông báo thụ lý vụ án và triệu tập họp lệ nhưng không có mặt và không có lời khai. Do không triệu tập được bị đơn, nên Tòa án không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn xin rút phần phạt chậm trả lại, còn các ý kiến khác vẫn giữ

nguyên và đề nghị Tòa án:

+ Buộc Công ty Đ thanh toán cho V1 số tiền tạm tính đến ngày xét xử 07/10/2025 theo hợp đồng cho vay và khế ước nhận nợ đã ký kết là: 962.385.115 đồng trong đó bao gồm: 658.727.743 đồng tiền nợ gốc; 10.831.233 đồng nợ lãi trong hạn, 292.826.139 đồng lãi quá hạn;

+ Đề nghị Tòa án tiếp tục tính lãi, lãi phạt theo Hợp đồng tín dụng và theo quy định của pháp luật cho đến ngày Công ty Đ thanh toán toàn bộ khoản vay.

+ Trường hợp Công ty Đ không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ nêu trên, đề nghị Tòa án tuyên V1 được yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền kê biên, phát mại toàn bộ các tài sản bảo đảm cho khoản vay để thu hồi nợ cho ngân hàng, cụ thể là: 01 chiếc xe ô tô nhãn hiệu: **HONDA**, số loại: CRV; số khung: RLHRW1851MY002889; số máy: L15BG234083; BKS: 30H-172.58 đứng tên Công ty TNHH Đ. Xác lập thế chấp tại V1 theo Hợp đồng thế chấp số: 220921-6213532-01-SME ngày 23/09/2021.

+ Nếu tài sản bảo đảm nêu trên không đủ để thực hiện nghĩa vụ thanh toán toàn bộ khoản nợ cho V1, V1 có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án có thẩm quyền tiến hành xác minh, kê biên, thu giữ, phát mại các tài sản khác thuộc quyền sở hữu sử dụng của Công ty Đ để thu hồi khoản nợ cho đến khi Công ty Đ thanh toán hết khoản nợ cho V1.

- Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 phát biểu ý kiến:

1. Việc tuân theo pháp luật tố tụng:

- Về thụ lý vụ án: Ngày 30/7/2025, TAND tiếp nhận đơn khởi kiện của hàng V1. Thông báo nộp tiền tạm ứng án phí ngày 31/7/2025, Thông báo thụ lý vụ án ngày 01/8/2025. Việc thụ lý vụ án của Tòa án là đúng quy định tại Điều 191, 195 BLTTDS.

- Về xác định quan hệ pháp luật tranh chấp và tư cách tham gia tố tụng của các đương sự và thẩm quyền xét xử của Tòa án: Tòa án xác định đúng, đầy đủ người tham gia tố tụng là đúng quy định tại Điều 68 BLTTDS. Nguyên đơn và bị đơn đều là tổ chức có đăng ký kinh doanh, nguyên đơn khởi kiện đòi bị đơn số tiền vay để phục vụ hoạt động kinh doanh theo hợp đồng đã ký. Do đó, thẩm phán xác định quan hệ pháp luật tranh chấp hợp đồng tín dụng là có đúng quy định tại khoản 1 Điều 30 BLTTDS. Bị đơn có địa chỉ tại phường Y, Hà Nội nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 4.

- Về thu thập chứng cứ, thời hạn chuẩn bị xét xử và lập hồ sơ vụ án:

+ Thẩm phán, ra quyết định thẩm định tại chỗ theo đúng quy định tại Điều 94, 97 BLTTDS nên vụ án thuộc trường hợp VKS tham gia phiên tòa sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 21 BLTTDS.

+ Về tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải: Tòa án thực hiện đúng quy định tại 208, 209, 210, 211 Bộ luật TTDS.

+ Về thời hạn chuẩn bị xét xử: Tòa án thụ lý vụ án ngày 01/8/2024; Quyết định đưa vụ án ra xét xử ngày 05/9/2025: Đúng thời hạn quy định tại Điều 203 BLTTDS.

- + Về việc lập hồ sơ vụ án dân sự: đúng quy định tại Điều 204 BLTTDS.
- Về cấp, tổng đạt các văn bản tố tụng cho người tham gia tố tụng, về chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát:
- + Việc thông báo thụ lý: Tòa án thông báo về việc thụ lý vụ án cho đương sự và VKS đúng quy định tại khoản 1 Điều 196 BLTTDS.
- + Về việc tổng đạt QĐ đưa vụ án ra xét xử: Tòa án tổng đạt cho đương sự, VKS đúng quy định tại khoản 2 Điều 220 BLTTDS.
- + Về việc Tòa án chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát: Đúng thời hạn
- Việc chấp hành pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, thực hiện đúng và đầy đủ theo quy định tại Điều 71 BLTTDS. Bị đơn không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 72 BLTTDS.

2. Đề xuất quan điểm giải quyết vụ án:

Hợp đồng cho vay số: **220921-6213532-01-SME** ngày hàng V1 và ty CP tư phát triển thương mại S được các bên ký kết trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với các quy định của pháp luật nên xác định là hợp đồng hợp pháp có hiệu lực thi hành. Quá trình thực hiện Hợp đồng, bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo Hợp đồng đã ký nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn phải thanh toán số nợ gốc cùng nợ lãi là có căn cứ được chấp nhận.

Về tài sản đảm bảo: Xe ô tô Honda CRV BKS 30H – 172.58; Giấy chứng nhận đăng ký xe số 106887 do Phòng CSGT an TP HN cấp ngày 22/9/2021 thuộc đứng tên Công ty TNHH Đ1 và triển thương mại SHV. Việc thế chấp là hoàn toàn tự nguyện, tài sản thế chấp là hợp pháp được các bên thực hiện đầy đủ các thủ tục pháp lý nên có căn cứ chấp nhận yêu cầu xử lý tài sản đảm bảo của nguyên đơn.

Đề nghị HĐXX : Áp dụng Điều 463, 466, 468, 335, 342 BLDS, Điều 306, Luật Thương mại 2005; Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Thông tư 390 ngày 30/6/2016 của Ngân hàng N1 ; Nghị Quyết 01/2019 của Hội đồng phán Toà án nhân dân Tối cao.

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của hàng V1 đối với ty S. Buộc ty SHV phải thanh toán cho hàng V1 toàn bộ tiền gốc, lãi trong hạn và lãi quá hạn tính đến ngày xét xử (07/10/2025) và phải tiếp tục phải chịu lãi quá hạn kể từ ngày 08/10/2025 cho đến thanh toán xong toàn bộ các khoản nợ cho V1 theo quy định tại hợp đồng tín dụng đã ký.

Trường hợp bị đơn không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán thì sẽ phát mại tài sản đã thế chấp. Trong trường hợp tài sản bảo đảm sau khi kê biên, phát mại không đủ trả nợ, ty SHV vẫn phải tiếp tục trả nợ cho đến khi các tài khoản nợ được tất toán.

Không chấp nhận yêu cầu tính lãi chậm trả lãi của ngân hàng và việc ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền kê biên phát mại tài sản và nguồn thu hợp pháp khác của ty SHV để thanh toán hết toàn bộ nghĩa vụ trả nợ của ty SHV tại hàng V1.

Về án phí: Công ty Đ phải chịu án phí KDTM sơ thẩm đối với số tiền phải trả ngân hàng tính đến ngày xét xử theo quy định của pháp luật.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng:

1.1. Quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết:

Quan hệ pháp luật có tranh chấp trong vụ án là “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”. Bị đơn trong vụ án, Công ty Đ có trụ sở theo Giấy đăng ký doanh nghiệp tại địa chỉ: Tầng E, số nhà A đường T, phường Y, thành phố Hà Nội nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 4 - Hà Nội theo quy định tại Điều 30, 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

1.2. Về sự vắng mặt của những người tham gia tố tụng: Tòa án đã tiến hành các thủ tục đảm bảo quyền lợi cho các đương sự theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ 2. Do vậy, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt là phù hợp với quy định tại Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung:

2.1. Về yêu cầu buộc bị đơn thực hiện nghĩa vụ trả nợ gốc, lãi theo Hợp đồng cho vay số 220921-6213532-01-SME ngày 23/09/2021 và Khế ước nhận nợ; và Hợp đồng thế chấp, xử lý tài sản bảo đảm.

Hợp đồng cho vay số 220921-6213532-01-SME ngày 23/09/2021 có thỏa thuận về mục đích vay vốn, lãi suất cho vay, kỳ hạn trả nợ, lãi suất quá hạn, phạt chậm trả lãi. Hợp đồng cho vay phù hợp với quy định của Bộ luật dân sự. Luật các tổ chức tín dụng quy chế cho vay. Do đó, xác định là hợp đồng hợp pháp, các bên có nghĩa vụ thực hiện.

- Yêu cầu về thanh toán tiền gốc và lãi theo hợp đồng cho vay:

Căn cứ Hợp đồng cho vay hai bên đã ký, thỏa thuận lãi trong hợp đồng của các bên là tự nguyện, phù hợp với Luật các tổ chức tín dụng, quy chế cho vay. Phía bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán, lỗi là do phía bị đơn... Do vậy, có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về thanh toán nợ gốc, nợ lãi của Ngân hàng. Buộc Công ty Đ phải thanh toán trả Ngân hàng số tiền nợ tính đến ngày xét xử sơ thẩm 07/10/2025 là 962.385.115 đồng trong đó bao gồm: 658.727.743 đồng tiền nợ gốc; 10.831.233 đồng nợ lãi trong hạn, 292.826.139 đồng lãi quá hạn.

- Về yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm: Hợp đồng thế chấp số 220921-6213532-01-SME ngày 23/09/2021 giữa Công ty Đ và V1 để bảo đảm cho khoản vay của Công ty tại Ngân hàng. Đã được đăng ký giao dịch bảo đảm/hợp đồng theo phiếu yêu cầu thông báo về việc thế chấp ngày 23/9/2021.

Tài sản bảo đảm là: 01 chiếc xe ô tô nhãn hiệu: **HONDA**, số loại: CRV; số khung: RLHRW1851MY002889; số máy: L15BG234083; BKS: 30H-172.58 đứng tên Công ty TNHH Đ. Việc ký kết các biện pháp bảo đảm do các bên tự nguyện, được lập thành văn bản, tài sản bảo đảm thuộc quyền sở hữu của bên bảo đảm, đã đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định của pháp luật nên hợp pháp, các bên có nghĩa vụ thực hiện.

Do vậy, trong trường hợp Công ty Đ vi phạm nghĩa vụ trả nợ, thì V1 có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án xử lý tài sản bảo đảm theo Nghị định số 11/2012/NĐ-CP 22.02.2012 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 163/2006/NĐ-CP 29.12.2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm và Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29.12.2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm.

2.3. Về án phí:

Theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Bị đơn phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm với số tiền phải thanh toán cho ngân hàng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ:

Khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự

Điều 117, 118, 119, 292, 298, 299, 335, 336, 339, 340, 342, 351, 357 và 468 Bộ luật dân sự năm 2015

Điều 91; Điều 95; Điều 98 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010;

Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 Hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP V vượng Công ty TNHH Đ phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP V vượng tính đến ngày 07/10/2025 theo Hợp đồng cho vay số:220921-6213532-01-SME ngày 23/09/2021 cùng Khế ước nhận nợ số 240921-6213532-01-SME ngày 24/9/2021 là: 962.385.115 đồng trong đó bao gồm: 658.727.743 đồng tiền nợ gốc; 10.831.233 đồng nợ lãi trong hạn, 292.826.139 đồng lãi quá hạn.

2. Đình chỉ yêu cầu thanh toán số tiền phạt chậm trả lãi của Công ty TNHH Đ.

3. Kể từ ngày tiếp theo ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ, Công ty TNHH Đ còn phải tiếp tục chịu tiền lãi, phí phát sinh theo lãi suất các bên thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng và Khế ước nhận nợ đã ký kết.

4. Trường hợp Công ty TNHH Đ không thực hiện nghĩa vụ thanh toán khoản nợ nêu trên và lãi phát sinh theo bản án của Tòa án thì V1 có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án tiến hành kê biên, phát mãi tài sản bảo đảm là: 01 chiếc xe ô tô nhãn hiệu: HONDA, số loại: CRV; số khung: RLHRW1851MY002889; số máy: L15BG234083; BKS: 30H-172.58 đứng tên Công ty TNHH Đ.

5. Toàn bộ số tiền thu được từ việc bán xử lý tài sản bảo đảm được dùng để thanh toán nghĩa vụ nợ của Công ty Đ đối với V1. Nếu số tiền thu được từ bán/xử lý tài sản bảo đảm không đủ thanh toán hết khoản nợ Công ty Đ vẫn phải có nghĩa vụ trả hết khoản nợ cho V1.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự

7. Về án phí:

7.1. Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là: 40.871.155 đồng.

7.2. Hoàn trả V1 số tiền 19.112.125 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0002917 ngày 01/8/2025 của Phòng thi hành án dân sự khu vực 4 – Hà Nội.

8. Về quyền kháng cáo:

Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Hà Nội;
- VKSND thành phố Hà Nội;
- VKSND khu vực 4 – Hà Nội;
- Phòng THADS khu vực 4 – Hà Nội;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Mai Thị Hương